TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 -6- 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tuấn, ông Ngô Quốc Vũ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên *tham gia phiên toà:* Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà B, đường T, tổ D, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đăng D, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bầy: Bà và ông Nguyễn Đăng D tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 1989 đến ngày 04/12/2024 thì vợ chồng bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Sau ngày cưới năm 1989, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được 01 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp, không mang lại hạnh phúc, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và sống ly thân nhiều lần, vợ chồng cho nhau nhiều cơ hội nhưng mâu thuẫn vẫn tồn tại, vợ chồng ly thân kéo dài từ năm 2002 đến ngày 04/12/2024 thì hàn gắn tình cảm và đăng ký kết hôn nhưng đến cuối tháng 12/2024, vợ chồng lại sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông D.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đăng D trình bày: Vợ chồng ông trước đây có tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam vào năm 1989 nhưng do bảo quản không tốt nên ông không còn lưu trữ đăng ký kết hôn, vì vậy ngày

04/12/2024 vợ chồng ông đăng ký kết hôn lại. Từ năm 1989, vợ chồng ông chung sống cùng nhau, sau thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn, bất hòa do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến năm 2024 thì vợ chồng đăng ký kết hôn lại, rồi lại sống ly thân. Nay bà H xin ly hôn, ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà H, ông D cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Đăng H1, sinh ngày 09/01/1990 và chị Nguyễn Thị O, sinh ngày 29/11/1995. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập và phát triển bình thường nên khi ly hôn bà H, ông D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 08/5/2025, ông D có quan điểm về tài sản chung: Năm 2002 vợ chồng ông có mua 01 thửa đất và trên đất có ngôi nhà mái bằng diện tích 30m^2, địa chỉ: Số nhà A tổ A, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang với giá gần 50.000.000 đồng, đến nay trị giá tài sản khoảng 1.500.000.000 đồng. Vì vậy khi ly hôn, ông đề nghị Tòa án chia tài sản chung nêu trên theo hướng do bà H đang ở Bắc Giang, thửa đất và nhà cũng đang ở Bắc Giang nên đề nghị Tòa án giao nhà đất cho bà H và bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông ½ trị giá tài sản là 750.000.000 đồng. Về công nợ, công sức: Ông D không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đăng D. Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Đăng D mỗi người phải chịu 75.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử TAND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đăng D, tuy nhiên bà H đã có Đơn xin xử vắng mặt, còn ông Nguyễn Đăng D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đăng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, sống ly thân bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không

hòa giải được, nay bà H xin ly hôn thì ông D cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, vợ chồng vẫn sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H và ông D là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật.

[3] Về con chung: Bà H và ông D cùng xác nhận: Vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Đăng H1 sinh ngày 01/9/1990 và chị Nguyễn Thị O sinh ngày 29/11/1995. Hiện cả 02 con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên bà H và ông D đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/5/2025, ông D đã có đơn yêu cầu phản tố và cho rằng vợ chồng ông có tài sản chung là 01 thửa đất và trên đất có ngôi nhà mái bằng diện tích 30m^2, địa chỉ: Số nhà A tổ A, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vợ chồng ông mua năm 2002 với giá gần 50.000.000 đồng, đến nay trị giá tài sản khoảng 1.500.000.000 đồng. Vì vậy khi ly hôn, ông đề nghị Tòa án chia tài sản chung nêu trên theo hướng do bà H đang ở Bắc Giang, thửa đất và nhà cũng đang ở Bắc Giang nên đề nghị Tòa án giao nhà đất cho bà H và bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông ½ trị giá tài sản là 750.000.000 đồng. Ngày 09/5/2025 Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông D nhận Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án, theo đó Tòa án yêu cầu ông D phải cung cấp chứng cứ kèm theo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn 07 ngày (kể từ ngày nhận được thông báo) đối với yêu cầu phản tố nêu trên của ông D. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/5/2025, ông D không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, HĐXX không xem xét yêu cầu về chia tài sản chung của ông D trong vụ án này. Sau này, nếu ông D xuất trình được tài liệu chứng cứ và có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Về công sức, công nợ: Bà H và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đăng D.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Đăng D mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai số 0001603 ngày 25/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án. Trả lại bà Đỗ Thị Hằng S tiền 225.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THA thị xã Duy Tiên.
- UBND xã Yên Nam;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tươi